

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ  
ĐỐI VỚI HỘ ÔNG ĐOÀN LẠC VÀ BÀ HOÀNG NHƯ ÁI TRANG  
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI  
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG**

**ĐỊA BÀN: PHƯỜNG VẠN THẮNG, TP NHA TRANG**

*(Kèm Quyết định số: 3209/QĐ-UBND ngày M tháng M năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)*



**BẢNG TỔNG HỢP**  
**DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BÈN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI - TIÊU DỰ ÁN NHA TRANG**  
**Hạng mục: Xây dựng Kè và Đường Nam sông Cái Nha Trang**

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m <sup>2</sup> )				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Ông Đoàn Lạc Bà Hoàng Như Ái Trang	Số 221A đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang	Số 221A đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang	49/9	62-2022	141,40	8,70	0,40		8,30	16.124.366	6.744.600	9.379.766	0	0	4.612.437
	<b>Tổng</b>			<b>01</b>		<b>141,40</b>	<b>8,70</b>	<b>0,40</b>	<b>0,00</b>	<b>8,30</b>	<b>16.124.366</b>	<b>6.744.600</b>	<b>9.379.766</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.612.437</b>

**A. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
01	<p><b>Ông Đoàn Lạc</b> <b>Bà Hoàng Như Ái Trang</b></p> <p>- Địa chỉ thường trú: Số 221A đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thu hồi: Số 221A đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p>	<p><b>***Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 1504/XN-UBND ngày 07/12/2021 của UBND phường Vạn Thắng xác nhận:</b></p> <p><b>* Về nguồn gốc đất:</b> Thửa đất số 49, tờ số 09 (Tổng DT: 141,4m<sup>2</sup>; DT giải tỏa: 8,7m<sup>2</sup>; DT còn lại: 132,7m<sup>2</sup>) – Tương ứng với thửa số 64 tờ BĐ ĐC số 02 phường Vạn Thắng.</p> <p>- Nguồn gốc đất: Nguyên thửa đất trước đây do bà Lê Thị Tội tạo lập và xây dựng nhà trước năm 1993. Đến năm 1997 bà Lê Thị Tội chuyển nhượng 01 phần cho vợ chồng ông Lữ Phúc Trung với DT khoảng 14m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích đất còn lại bà Tội sử dụng ổn định không chuyển nhượng thêm cho ai. Đến năm 2000, bà Tội chuyển nhượng toàn bộ cho ông Đoàn Lạc và bà Hoàng Như Ái Trang. Vào khoảng tháng 5/2000, vợ chồng ông Lữ Phúc Trung chuyển nhượng toàn bộ diện tích 14m<sup>2</sup> đã mua của bà Tội năm 1997 cho vợ chồng ông Đoàn Lạc.</p> <p>Đến ngày 06/8/2012 ông Đoàn Lạc và bà Hoàng Như Ái Trang được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00353/22345, diện tích 133,1m<sup>2</sup>, loại đất: đất ở tại đô thị.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Tiếp tục sử dụng năm 2011 (Theo GCN số CH00353/22345 ngày 06/8/2012).</p> <p>- Thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc: Phần bị ảnh hưởng là mái che được xây dựng trước năm 1993.</p> <p>- Tổng diện tích đất: 141,4m<sup>2</sup>.</p> <p>- Khuôn viên, ranh giới thửa đất: + Đông giáp: Khu dân cư. + Tây giáp: Thửa số 41. + Nam giáp: Khu dân cư + Bắc giáp: Đường đi.</p> <p>- Loại đất: Đất ở đô thị.</p> <p><b>*Quá trình sử dụng đất; nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có):</b> - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Không. - Tình trạng nhà, đất: Hộ gia đình bà Hoàng Như Ái Trang không sinh sống tại thửa đất trên.</p> <p><b>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:</b> Hiện nay không có tranh chấp, khiếu nại.</p>	<p><b>I/ Về đất:</b></p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 49 - Mảnh 9): m<sup>2</sup> <b>141,40</b></p> <p>+ DT đất thu hồi: m<sup>2</sup> 8,70</p> <p>+ DT đất còn lại: m<sup>2</sup> 132,70</p> <p><b>1- Bồi thường về đất:</b></p> <p><b>*** Căn cứ pháp lý áp dụng:</b> + Khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013 + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m<sup>2</sup> <b>0,40</b></p> <p>+ Bồi thường đất ở đô thị: m<sup>2</sup> 0,40 4.536.000 100% 1.814.400</p> <p>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 4.536.000đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m<sup>2</sup> 8,30 Không bồi thường vì thuộc phần diện tích đất QH Kê Sông Cái</p> <p><b>2- Hỗ trợ về đất:</b></p> <p><b>*** Căn cứ pháp lý áp dụng:</b> + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>* Hỗ trợ đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư: m<sup>2</sup> 8,30 660.000 90% 4.930.200</p> <p>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 660.000đ/m<sup>2</sup>.</p> <p><b>II/ Tài sản gắn liền với đất:</b></p> <p><b>1- Công trình, vật kiến trúc:</b></p> <p>+ Ngày khóa sổ: Thông báo thu hồi đất số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Nha Trang</p> <p><b>**Bồi thường, hỗ trợ theo:</b> + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p>							6.744.600		
										9.379.766		
										9.379.766		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
		<p>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích đất theo giấy tờ: 133,1m<sup>2</sup></li> <li>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 141,4m<sup>2</sup>.</li> <li>- Diện tích đất chênh lệch tăng: 8,3m<sup>2</sup></li> </ul> <p>- Nguyên nhân tăng: Phần diện không được cấp GCN do QH kè Sông Cái.</p> <p>*Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <p>Không (địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng và địa chỉ thể hiện trên giấy tờ là một).</p> <p>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00353/22345 ngày 06/8/2012 cấp cho ông Đoàn Lạc và bà Hoàng Như Ái Trang, diện tích 133,1m<sup>2</sup>, loại đất: đất ở tại đô thị.</li> <li>- Phiếu lấy ý kiến khu dân cư năm 2012 về thửa đất của ông Đoàn Lạc được UBND phường Vạn Thắng xác nhận.</li> <li>- Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2m (ngõ hẻm đường 2/4) tương ứng vị trí 5 đường 2/4)</li> <li>- Biên bản họp HDBT ngày 15/6/2022 (STT 08)</li> <li>- Thông báo số 156/TB-HDBT ngày 27/7/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC</li> <li>- Biên bản niêm yết ngày 30/7/2022</li> <li>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 18/8/2022</li> <li>- Biên bản họp đối thoại ngày 14/10/2022</li> </ul>	<p><i>Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mái che trụ sắt, cột kéo gỗ, mái tole, vách tole, nền xi măng. DT: 3,7m x 8,11m = 32,19m<sup>2</sup>. DTGT: 8,7m<sup>2</sup> (bằng DT đất thu hồi)</li> </ul> <p><i>Áp giá PL1, STT B4, ĐG: 1.078.134đ/m<sup>2</sup>.</i></p> <p><b>2 - Tài sản khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tơ điện 1 pha (Bồi thường chi phí lắp đặt sau công tơ điện 1 pha)</li> <li>- Đồng hồ nước</li> </ul> <p><b>3 - Cây trồng:</b> Không có</p> <p><b>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:</b></p> <p><i>Không bồi thường theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i></p> <p><b>IV/ Chính sách hỗ trợ:</b></p> <p><b>1- Hỗ trợ ổn định đời sống:</b></p> <p><b>2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:</b></p> <p><b>3- Hỗ trợ di chuyển:</b></p> <p><b>4- Hỗ trợ chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai áp dụng theo Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)</b></p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I+II+III+IV)</p> <p><b>V/ Phần khen thưởng</b></p> <p><i>Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.</li> <li>- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ</li> </ul> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)</p> <p><b>VI. Tái định cư</b></p>	m <sup>2</sup>	8,70	1.078.134		100%	9.379.766				
									0				
				TH	1	Không bồi thường vì giải tỏa một phần không phải di chuyển chỗ ở							
				TH	1								
										0			
										0			
										0			
										16.124.366			
										4.612.437			
				hộ	1	1.612.437			1.612.437				
				hộ	1	3.000.000			3.000.000				
										20.736.802			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.								

**B TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1/ Số trường hợp bị giải tỏa:

2/ Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất:
- Bồi thường về cây trồng:
- Bồi thường về chi phí di chuyển:
- Hỗ trợ khác:

3/ Kinh phí tổ chức thực hiện (2% tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ) chi cho các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Trích cho phòng Tài nguyên và Môi trường (5% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho UBND phường Vạn Thắng (3% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích chi khen thưởng cho tổ chức, cá nhân tham gia tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (1% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho sở Tài nguyên và Môi trường (1% kinh phí tổ chức thực hiện):

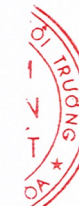
4/ Kinh phí khen thưởng:

5/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng và tổ chức thực hiện:

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, không trăm năm mươi chín nghìn đồng)

01 trường hợp/01 thửa

16.124.366	đồng
6.744.600	đồng
9.379.766	đồng
0	đồng
0	đồng
0	đồng
322.487	đồng
16.124	đồng
9.675	đồng
3.225	đồng
3.225	đồng
4.612.437	đồng
21.059.000	đồng



Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2022

Ban QLDA Phát Triển KH (Chủ đầu tư) TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH  
GIÁM ĐỐC KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người lập

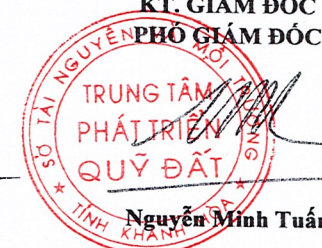
Trần Phương Hà

Người soát

Lê Thị Thu Nguyệt

Phụ trách phòng

Hà Văn Hùng



Nguyễn Minh Tuấn





